

Số: 184/QĐ-THHTAY

Hải Quang, ngày 03 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 2 năm 2026 Và 6 tháng đầu năm 2026 của Trường tiểu học Hải Tây

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ quyết định số: 1138/QĐ - UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Hải Quang về việc giao dự toán ngân sách xã Hải Quang năm 2026 ;

Căn cứ quyết định số: 324/QĐ - UBND ngày 29/04/2026 của UBND xã Hải Quang về việc giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2026: Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách ;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán Thu – chi ngân sách Quý 2 năm 2026 và 6 tháng đầu năm 2026 của đơn vị.

Xét đề nghị của bộ phận tài chính, tổ chuyên môn trường tiểu học Hải Tây.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán Thu – chi ngân sách Quý 2 năm 2026 và 6 tháng đầu năm 2026 của trường Tiểu học Hải Tây (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài chính , các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Kế toán tài chính
- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trần Thị Lụa

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Tiểu học Hải Tây công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 2 năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 2	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý Quý 2 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp....				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	6.585.407.000	1.365.843.092	20.74%	82.85%
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	5.425.751.000	1.319.343.092	24.32%	80.03%
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.159.656.000	46.500.000	4.01%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Hải Quang, Ngày 03 tháng 07 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

Trần Thị Lua

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Tiểu học Hải Tây công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp....				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	6.585.407.000	3.174.724.864	48.21%	103.89%
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	5.425.751.000	2.665.474.864	49.13%	87.22%
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.159.656.000	509.250.000	43.91%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Hải Quang, Ngày 03 tháng 07 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Trần Thị Lụa

Người ký: Nguyễn Thanh Đức
Ngày ký: 02/07/2026 09:41:41
Chức danh: Kế toán trưởng
Số: 8003-1324006855 V-PGD
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư



Mã hồ sơ: DCSD7

Mẫu số 26

Ký hiệu: 01a-SDKP/DVDT

Chương: 822

Người ký: Trưởng Tiểu học Hải Tây

ĐVQHNS: 1108003

Ấn: 4

no bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực V-PGD số 7

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 / Năm 2026

Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9=5-7
12	072	00000	0	876.750.000	0	876.750.000	876.750.000	46.500.000	509.250.000	0	367.500.000
13	072	00000	0	5.400.891.000	24.860.000	5.425.751.000	5.425.751.000	1.319.343.092	2.665.474.864	0	2.760.276.136
18	072	00000	0	282.906.000	0	282.906.000	282.906.000	0	0	0	282.906.000
Cộng:			0	6.560.547.000	24.860.000	6.585.407.000	6.585.407.000	1.365.843.092	3.174.724.864	0	3.410.682.136

thân KBNN ghi:

Chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 7 năm 2026

Kế toán

(Ký tên)

Kiểm soát

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 2 tháng 7 năm 2026

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Quang Thi Phương Thanh01

Người ký: Đào Thị Nguyễn Thanh
Ngày ký: 02/07/2026 09:41:41
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực V-PGD số 7

Người ký: Phạm Thị Luyến
Ngày ký: 02/07/2026 08:59:32
Chức danh: Trưởng Tiểu học Hải Tây
Đơn vị: Trường Tiểu học Hải Tây

Người ký: Trần Thị Lan
Ngày ký: 02/07/2026 09:21:43
Chức danh: Trưởng Tiểu học Hải Tây
Đơn vị: Trường Tiểu học Hải Tây

Người ký: Nguyễn Thanh Đức
Ngày ký: 02/07/2026 09:41:54
Chức danh: Kế toán trưởng
Số / **SD26-1108003-4324006858**
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mã hồ sơ

Chương: 822

Đơn vị: Trường Tiểu học Hải Tây

Mã ĐVQHNS: 1108003

Mã cấp NS: 4

Mã báo Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực V-PGD số 7

Mẫu số 28

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 / Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Hài sản và thiết bị chuyên dùng	12	072	6954	00000	0	0	46.500.000	46.500.000	46.500.000	46.500.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	12	072	7053	00000	0	0	0	9.000.000	0	9.000.000
Ấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	072	7766	00000	0	0	0	453.750.000	0	453.750.000
ương theo ngành, bậc	13	072	6001	00000	0	0	510.367.803	1.190.254.806	510.367.803	1.190.254.806
iền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	71.300.000	132.200.000	71.300.000	132.200.000
hụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	11.232.000	22.464.000	11.232.000	22.464.000
hụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	072	6105	00000	0	0	19.987.855	19.987.855	19.987.855	19.987.855
hụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	235.431.801	466.508.650	235.431.801	466.508.650
hụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	2.106.000	4.212.000	2.106.000	4.212.000
hụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	137.942.370	271.110.457	137.942.370	271.110.457
hưởng khác	13	072	6249	00000	0	0	33.604.000	33.604.000	33.604.000	33.604.000
Chi khác	13	072	6299	00000	0	0	10.600.000	12.200.000	10.600.000	12.200.000

ẢO HIỂM XÃ HỘI	13	072	6301	00000	0	0	149.912.282	296.892.425	149.912.282	296.892.425
ẢO HIỂM Y TẾ	13	072	6302	00000	0	0	25.699.249	50.895.845	25.699.249	50.895.845
ẢO HIỂM THẤT NGHIỆP	13	072	6304	00000	0	0	8.566.417	16.965.283	8.566.417	16.965.283
HI KHÁC	13	072	6449	00000	0	0	14.859.000	14.859.000	14.859.000	14.859.000
TIỀN ĐIỆN	13	072	6501	00000	0	0	13.791.315	22.753.543	13.791.315	22.753.543
TIỀN KHOẢN PHƯƠNG TIỆN THEO CHẾ ĐỘ	13	072	6505	00000	0	0	498.000	498.000	498.000	498.000
ĂN PHÒNG PHẨM	13	072	6551	00000	0	0	1.865.000	3.590.000	1.865.000	3.590.000
HOÁN VẤN PHÒNG PHẨM	13	072	6553	00000	0	0	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
ẬT TƯ VĂN PHÒNG KHÁC	13	072	6599	00000	0	0	4.875.000	10.248.000	4.875.000	10.248.000
HÁC	13	072	6649	00000	0	0	14.490.000	18.450.000	14.490.000	18.450.000
Ự CẤP CÔNG TÁC PHÍ	13	072	6702	00000	0	0	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000
TIỀN THUÊ PHÒNG NGỦ	13	072	6703	00000	0	0	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000
HOÁN CÔNG TÁC PHÍ	13	072	6704	00000	0	0	4.200.000	5.600.000	4.200.000	5.600.000
ÀI SẢN VÀ THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG	13	072	6905	00000	0	0	9.750.000	9.750.000	9.750.000	9.750.000
HÀ CỬA	13	072	6907	00000	0	0	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000
ÁC TÀI SẢN VÀ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG CƠ SỞ KHÁC	13	072	6949	00000	0	0	10.900.000	10.900.000	10.900.000	10.900.000
HI MUA HÀNG HÓA, VẬT TƯ	13	072	7001	00000	0	0	4.940.000	19.256.000	4.940.000	19.256.000
HI KÝ NIỆM CÁC NGÀY LỄ LỚN	13	072	7903	00000	0	0	0	9.850.000	0	9.850.000
Cộng:					0	0	1.365.843.092	3.174.724.864	1.365.843.092	3.174.724.864
ân KBNN ghi:										

Chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.
Chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 2 tháng 7 năm 2026

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH
Ngày 2 tháng 7 năm 2026

Kế toán

(Ký tên)

Dương Thị Phương
Thanh01

Kiểm soát

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Duc02 Nguyễn Thanh
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KINH doanh khu vực V-PGD số 7

Duc02 Nguyễn Thanh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Người ký: phạm Thị Luyến
Ngày ký: 02/07/2026 08:59:58
Đơn vị: Trường Tiểu học Hải Tây

phạm Thị Luyến

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Trần Thị Lụa
Ngày ký: 02/07/2026 09:21:36
Đơn vị: Trường Tiểu học Hải Tây

Trần Thị Lụa